

Phẩm 6: PHÂN BIỆT HIỆN THÁNH
(Gồm 83 Tụng)

1. Đã nói đoạn phiên nào
2. Do kiến đế tu đạo
3. Kiến đạo chỉ vô lậu
4. Tu đạo thông hai loại.
5. Bốn đế trước đã nói
6. Là khổ, tập, diệt, đạo
7. Tự thể chúng cũng vậy
8. Thứ tự tùy hiện quán.
9. Khổ do ba khổ hợp
10. Tất cả tùy tương ứng
11. Khả ý, không khả ý
12. Pháp hành hữu lậu khác.
13. Bị phá không giác biết
14. Tuệ, điều khác cũng vậy
15. Như bình nước thế tục
16. Khác đây gọi thắng nghĩa.
17. Khi hướng đến kiến đế
18. Nên trụ giới, chuyên tu
19. Văn, tư, tu thành tự
20. Có danh lẫn nghĩa cảnh.
21. Thân tâm đều xa lìa
22. Không bắt tức, tham dục quá lớn
23. Gọi đã đắc, chưa đắc
24. Cầu nhiều danh vốn không
25. Pháp tương vi ba cõi
26. Tánh vô tham, vô lậu
27. Bốn Thánh chủng cũng vậy
28. Ba trước chỉ hỷ, tức
29. Hậu nghiệp ba sinh cụ
30. Đối trị bốn ái khởi
31. Tham muốn ngã, ngã sở
32. Vĩnh viễn, tạm thời dứt.
33. Tu cần có hai cửa
34. Quán bất tịnh, sở tức
35. Người tham, tầm tăng thượng

36. Tu theo thứ tự này.
37. Đối trị cả bốn tham
38. Quán sát các đốt xương
39. Rộng đến biên sau lược
40. Gọi là mới tập tu
41. Trừ chân, đến nửa đầu
42. Gọi đã tu thuần thực
43. Chú tâm giữa lông mày
44. Gọi thành tựu tác ý.
45. Mười địa tánh vô tham
46. Duyên sắc Dục nên khởi
47. Duyên bất tịnh cùng thời
48. Hữu lậu đặc hai loại.
49. Tức niệm tuệ năm địa
50. Duyên gió, nường thân Dục
51. Hai đặc, ngoại đạo không
52. Có sáu là đếm thở v.v...
53. Thở ra, vào nường thân
54. Theo hai hướng sai biệt
55. Hữu tình không chấp thọ
56. Đăng lưu không duyên dưới.
57. Nường vào “chỉ” đã tu
58. Quán bằng cách trụ niệm
59. Dùng tự tướng, cộng tướng
60. Quán thân, thọ, tâm, pháp
61. Trụ tự tánh, văn tuệ v.v...
62. Trụ sở duyên, tướng tạp
63. Nói thứ tự sinh khởi
64. Trị điên đảo, có bốn.
65. Người trụ pháp niệm trụ
66. Quán chung bốn sở duyên
67. Tu vô thường và khổ
68. Không và tướng vô ngã.
69. Từ đây sinh pháp Noãn
70. Quán đủ bốn Thánh đế
71. Tu mười sáu hành tướng
72. Và Đánh khởi cũng thế
73. Hai thiện căn trên đây

74. Trước nường pháp trước, sau bốn
75. Nhẫn chỉ nường pháp niệm
76. Phẩm trung, hạ giống Đảnh.
77. Phẩm thượng, quán dục khổ
78. Một hành, một sát-na
79. Thế đệ nhất cũng vậy
80. Năm uẩn, tuệ trừ “đắc”.
81. Thuận phần quyết trạch này
82. Bốn thứ nhờ tu thành
83. Sáu địa, hai hoặc bảy
84. Nường thân Dục giới chín
85. Ba loại được nữ, nam
86. Thứ tư nữ cũng vậy
87. Bạc Thánh xả mất địa
88. Dị sinh do mạng chung
89. Sớ, nhị cũng thoái xả
90. Nường gốc định kiến đế
91. Xả không được địa trước
92. Tánh hai xả chẳng đắc.
93. Noãn ất đến Niết-bàn
94. Đảnh không đoạn thiện căn
95. Nhẫn không đọa cõi ác
96. Đệ nhất vào “ly sinh”.
97. Chủng tánh Thanh văn chuyển
98. Hai ba thiện thành Phật
99. Độc giác, Phật không chuyển
100. Một lần ngồi đã giác.
101. Thuận phần giải thoát trước
102. Ba đời mới giải thoát
103. Nghiệp Văn tư tạo thành
104. Sinh ở người ba châu.
105. Trực tiếp pháp đệ nhất
106. Tức duyên khổ Dục giới
107. Khởi pháp nhẫn vô lậu
108. Nhẫn lại sinh pháp trí
109. Kế duyên khổ cõi khác
110. Khởi loại nhẫn, loại trí
111. Duyên tập, diệt, đạo đế

112. Mỗi đế sinh bốn pháp
113. Mười sáu tâm như thế
114. Gọi hiện quán Thánh đế
115. Hiện quán có ba loại
116. Là kiến, duyên và sự.
117. Cùng “Thế đệ nhất pháp”
118. Đồng nương vào một địa.
119. Nhẫn, trí theo thứ tự
120. Là vô gián, giải thoát.
121. Mười lăm tâm, kiến đạo
122. Thấy điều chưa từng thấy.
123. Gọi tùy tín, pháp hành
124. Do căn chậm, nhanh khác
125. Đều tu hoặc đoạn một
126. Đến “năm” hưởng sơ quả
127. Đoạn ba hưởng nhị quả
128. Lìa tám địa hưởng ba.
129. Đến tâm thứ mười sáu
130. Tùy ba hưởng trụ quả
131. Gọi tín giải, kiến chí
132. Do nhanh, chậm sai biệt.
133. Trong các đoạn đắc quả
134. Chưa được quả cao hơn
135. Nên chưa khởi đạo diệu
136. Gọi trụ quả không hưởng.
137. Mỗi địa, chín đức, tội
138. Thượng, trung, hạ ba thứ.
139. Chưa đoạn do tu đoạn
140. Thì tái sinh bảy lần.
141. Đoạn, dục ba bốn phẩm
142. Ba, hai đời, Già gia
143. Đoạn đến năm, nhị hưởng
144. Đoạn sáu được Nhất lai.
145. Đoạn bảy hoặc tám phẩm
146. Một lần sinh, Nhất gián
147. Đây tức đệ tam hưởng
148. Đoạn chín, quả Bất hoàn.
149. Trung, sinh, hữu hành này

150. Vô hành nhập Niết-bàn
151. Thượng lưu nếu tu tập
152. Sinh trời Sắc cứu cánh
153. Siêu Bán, siêu Biến một
154. Điều khác sinh Hữu Đảnh
155. Hành Vô sắc có bốn
156. Trụ đây, nhập Niết-bàn.
157. Hành Sắc giới có chín
158. Mỗi trường hợp có ba
159. Nghiệp “hoặc”, căn khác nhau
160. Nên lập thành chín loại.
161. Lập bảy Thiện sỹ thú
162. Do Thượng lưu không khác
163. Hành thiện không làm ác
164. Đi lên không trở lại.
165. Sinh cõi Dục đắc Thánh
166. Không sinh ở cõi khác
167. Thánh giả sinh cõi trên
168. Không luyện căn thoái thất.
169. Thứ tư tu tính lự
170. Thành do một niệm trụ
171. Vì thọ sinh, hiện lạc
172. Và phiền não thoái thất.
173. Tập tu có năm phẩm
174. Sinh vào trời Tịnh cư.
175. Bất hoàn được diệt định
176. Chuyển tên gọi Thân chứng.
177. Tu “hoặc” thuộc thượng giới
178. Đoạn một phẩm sơ định
179. Đến tám phẩm Hữu Đảnh
180. Điều hướng A-la-hán
181. Đạo vô gián thứ chín
182. Gọi định Kim-cang-dụ
183. Tận đắc, Tận trí sinh
184. Thành tựu quả Vô học.
185. Hữu Đảnh do vô lậu
186. Địa khác do lìa nhiễm.
187. Thánh tu hai, lìa tám

188. Đắc hai loại “liạ buộc”.
189. Vô lậu địa vị chí
190. Hay liạ tất cả địa
191. Tám khác liạ tự, thượng (địa)
192. Hữu lậu liạ địa dưới.
193. Phần gần liạ nhiễm dưới
194. Đầu ba, sau giải thoát
195. Căn bản hoặc Cận phần
196. Địa trên chỉ căn bản.
197. Đời vô gián giải thoát
198. Theo duyên trên và dưới
199. Tạo hành tướng thô, khổ
200. Cùng tính diệu và ly.
201. Bất động hậu Tận trí
202. Liên khởi Vô sinh trí
203. Tận khác hoặc chánh kiến
204. A-la-hán đều có.
205. Tịnh đạo tánh Sa-môn
206. Quả hữu vi, vô vi
207. Có tám, mười chín loại
208. Đạo giải thoát và diệt.
209. Năm nhân lập bốn quả
210. Xả từng được thắng đạo
211. Đoạn Tập được tám trí
212. Tu đốn mười sáu hành.
213. Thế tục chỗ được đoạn
214. Là do được Thánh đạo
215. Còn giữ được Vô lậu
216. Gọi là quả Sa-môn.
217. Nói đến tánh Sa-môn
218. Cũng gọi Bà-la-môn
219. Hay gọi là pháp luân
220. Do chỗ chuyển Chân Phạm
221. Trong đây chỉ kiến đạo
222. Nên gọi là Phạm luân
223. Vì nhanh giống bánh xe
224. Hoặc đầy đủ tám xe.
225. Ba nường dục sau ba

226. Do trên không kiến đạo
227. Không nghe không duyên dưới
228. Không chán ghét, sợ hãi.
229. Sáu hạng A-la-hán
230. Thoái pháp đến Bất động
231. Năm đầu tín giải sinh
232. Đều gọi Thời giải thoát
233. Hạng sau Bất thời giải (thoát)
234. Sinh từ kiến chí trước.
235. Được từ chủng tánh trước
236. Được lúc sau luyện căn.
237. Bốn loại đọa chủng tánh
238. Năm theo quả, không trước.
239. Học, phạm phu sáu loại
240. Luyện căn không kiến đạo.
241. Thoái đọa có ba loại
242. Đắc, chưa đắc, thọ dụng
243. Phật chỉ có loại cuối
244. Lợi giữa, cuối, độn ba.
245. Nếu khi đang thoái quả
246. Thì không thể mạng chung
247. Chỗ không làm trụ quả
248. Tàm tăng nên không làm.
249. Vị luyện căn, Vô học
250. Chín vô gián, giải thoát
251. Do nghiệp nên học một
252. Vô lậu nương ba cõi
253. Vô học nương chín địa
254. Hữu học nương sáu địa
255. Quả xả và quả thắng
256. Chỉ đạt được quả đạo.
257. Bảy Thanh văn, hai Phật
258. Sai biệt do chín căn.
259. Gia hạnh căn diệt định
260. Giải thoát thành bảy loại
261. Về sự chỉ có sáu
262. Ba đường mỗi hai loại.
263. “Câu” vì được diệt định

264. Khác gọi Tuệ giải thoát.
265. Hữu học gọi toàn mãn
266. Do căn, quả và định
267. Vô học được toàn mãn
268. Chỉ do căn và định.
269. Nên biết tất cả đạo
270. Lược nói chỉ có bốn
271. Là gia hạnh vô gián
272. Giải thoát và thắng tiến.
273. Lộ trình có bốn loại:
274. Lạc nương căn bản tịnh
275. Khổ nương ở địa khác
276. Nhanh, chậm độn, lợi căn.
277. Giác phần ba mươi bảy
278. Gọi là bốn niệm trụ
279. Giác trí tận Vô sinh trí
280. Thuận đây nên gọi phần.
281. Giác thực sự có mười
282. Là tuệ, căn, định, tín
283. Niệm, hỷ, xả, khinh an
284. Và giới, tầm làm thể.
285. Bốn niệm trụ chánh đoạn
286. Thần túc nương tăng thượng
287. Nói là tuệ, căn, định
288. Thực các thiện gia hạnh.
289. Sơ nghiệp, thuận quyết trạch
290. Tu đạo và kiến đạo
291. Làm bảy phẩm niệm, trụ v.v...
292. Nên biết thứ tự tăng.
293. Bảy giác và tám đạo
294. Đều nhất hướng về vô lậu
295. Ba, bốn, năm căn lực
296. Đều thông cả hai loại.
297. Sơ tính có tất cả
298. Vị chí trừ căn hỷ
299. Nhị tính lự trừ tầm
300. Tam, tứ trung trừ hai
301. Ba địa ở Vô sắc

302. Trừ giới hai loại trước
 303. Ở cõi Dục, Hữu Đảnh
 304. Trừ giác chi, đạo chi.
 305. Chứng tịnh có bốn loại
 306. Là Phật, Pháp, Tăng, giới
 307. Kiến đế được pháp giới
 308. Kiến đạo gồm Phật, Tăng
 309. Pháp: toàn bộ ba đế
 310. Đạo Bồ-tát, Độc-giác
 311. Tín và giới làm thể
 312. Bốn loại đều vô lậu.
 313. Hữu học có trói buộc
 314. Không chánh trí giải thoát
 315. Giải thoát hữu vô vi
 316. Gọi thắng giải, trạch diệt
 317. Hữu vi, Vô học chi
 318. Tức hai giải thoát uẩn
 319. Chánh trí như nói giác
 320. Tận và Vô sinh trí.
 321. Tâm Vô học khi sinh
 322. Chính giải thoát chướng ngại.
 323. Đạo lúc ở tán diệt
 324. Mới đoạn chướng ngại này.
 325. Ba cõi thoát vô vi
 326. Lìa giới chỉ lìa tham
 327. Đoạn giới diệt kết khác
 328. Diệt giới đoạn sự kia.
 329. Xa tuệ duyên khổ tập
 330. Lìa duyên để đoạn phiền
 331. Tương đối có khác nhau.
 332. Nên lập thành “tứ cú”.
-